

CÔNG TY CỔ PHẦN GWR VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GWR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GWR Viet Nam Joint Stock Company

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110855551

3. Ngày thành lập: 07/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2A/84 Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934838691

Fax:

Email: greenwaterrecycle@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
2.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
3.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
4.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
5.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
6.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
7.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
9.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
10.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
11.	Thu gom rác thải độc hại	3812
12.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
13.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
14.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
15.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
16.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
17.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm và hoạt động đấu giá)	4610

21.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
22.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
23.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Loại trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4669
28.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: dịch vụ thương mại điện tử (loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
29.	Tái chế phế liệu (Trừ các loại Nhà nước cấm)	3830
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
31.	Bốc xếp hàng hóa	5224
32.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp lý, tài chính, chứng khoán, bảo hiểm)	7020
33.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (không bao gồm hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120
34.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
35.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
36.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
38.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
41.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập, thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, tư vấn chứng khoán)	7490(Chính)
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty đang kinh doanh	8299
44.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
45.	Đúc sắt, thép	2431
46.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
47.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
48.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
49.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
50.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
51.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
52.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
53.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
54.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
55.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
56.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
57.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
58.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
59.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
60.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
61.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
62.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
63.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
64.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
65.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4690
66.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: sản xuất hoá chất (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2011
67.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ MINH TIỀN	Số 7 ngõ 323 Tổ 1, khu 5B, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	16.000	160.000.000	16,000	0220860001 68	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	16.000	160.000.000	16,000		
2	NGUYỄN CÔNG HIỆP	TDP Nhân Vực, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	5,000	0260900020 04	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000	50.000.000	5,000		

3	TRẦN THÁI HÀ	Số 7-B2 T/t 51 Cẩm Hội, Phường Đổng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	79.000	790.000.000	79,000	0010830015 04
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	79.000	790.000.000	79,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: TRẦN THÁI HÀ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/07/1983

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083001504

Ngày cấp: 18/07/2023

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 7-B2 T/t 51 Cẩm Hội, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 7-B2 T/t 51 Cẩm Hội, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội